TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lâm Hồng Hải.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên toà: ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, hồi 08 giờ 00 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15 /2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Vũ Ph, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số nhà 21, ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh L.

Bà K có mặt tại phiên tòa. Ông Ph vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà K trình bày:

Bà K và ông Nguyễn Vũ Ph tự tìm hiểu nhau thời gian hơn 6 tháng khi hai người cùng đi làm công nhân ở khu công nghiệp huyện Đức Hòa, sau đó được sự đồng ý của hai gia đình ông, bà mới tiến đến hôn nhân. Hai ông bà tổ chức đám cưới

vào ngày 18-19/02/2009. Đến ngày 20/3/2009 hai vợ chồng mới đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện V, tỉnh L tại số 11, quyển số 01. Sau khi cưới hai vợ chồng tiếp tục làm ở công ty hai tháng thì bà K có thai, nên bà về ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh L sống chung với gia đình bên chồng, còn ông Ph vẫn đi làm công ty. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 khi ông Ph về ấp T, xã Kh, huyện V, tỉnh L sinh sống cùng với bà K và gia đình. Sau khi về thì ông Ph không lo làm ăn, chỉ lo bài bạc và tụ tập bạn bè, thậm chí ông Ph còn lấy tiền của bà để đi chơi, mọi chi phí cho mẹ con bà đều do gia đình bên chồng chu cấp. Sau khi ông Ph bị đưa đi cai nghiện thì bà K đã đem con về cha mẹ ruột ở Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T sinh sống từ tháng 11/2013 cho đến nay. Hiện nay bà K thấy thực sự không còn tình cảm vợ chồng với ông Ph.

Về con cái: Hai vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M (nữ). Sinh ngày 30/12/2009. Hiện con chung đang sống chung với bà K.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thúy K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Ph. Bà Kiều yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay thu nhập của bà hàng tháng từ 9.000.000đ đến 10.000.000 đ, nên đủ điều kiện chăm sóc con chung. Tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ Ph: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm thủ tục tống đạt các loại giấy tờ theo qui định của pháp luật, nhưng ông Ph đều vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà K.

Kết quả xác minh ngày 29/3/2019 của Tòa án cho thấy: Ông Nguyễn Vũ Ph từ khi đi cai nghiện về địa phương đến nay chấp hành tốt các qui định của pháp luật, không có vi phạm gì. Ông Ph chủ yếu làm nghề lái xe tải, còn bà K thì từ ngày ông Ph đi cai nghiện đã đem con đi khỏi địa phương không rõ đi đâu. Sự việc mâu thuẫn giữa bà K và ông Ph thì Chính quyền địa phương không nắm được, vì không ai trình báo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự nhưng chưa đầy đủ. Đối với bị đơn thì chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, còn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Nguyễn Vũ Ph xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện V, tỉnh L nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai vợ chồng có với nhau 01 con chung. Theo lời trình bày của bà K thì thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Ph cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con và còn sử dụng ma túy. Từ khi Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn

của bà Kiều thì ông Ph vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý chí, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và ông Ph không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Con chung Nguyễn Thị Ngọc M. Sinh ngày 30/12/2009. Hiện con chung đang sống chung với bà K và bà K đi làm công ty có nguồn thu nhập ổn định. Do đó giao cháu M cho bà Kiều nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ các điều 51, 56, 81Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Vũ Ph có nơi cư trú ấp Tà Nu, xã Khánh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Vũ Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà K và ông Ph xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện V, tỉnh L ngày 20-3-2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: bà K cho rằng trong quá trình chung sống, từ năm 2012 giữa bà và ông Ph bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Ph bỏ không làm công ty về nhà thì cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con và còn sử dụng ma túy, nên bà Kiều đã đem con về Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T sinh sống từ tháng 11/2013 cho đến nay. Chính vì vậy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, bà K yêu cầu được ly hôn với ông Ph. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho bà K và ông Ph hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Ph cố tình vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà K và ông Ph đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Căn cứ quy định tại các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà K là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc M. sinh ngày 30/12/2009. Hiện con chung đang sống chung với bà K và nguyện vọng của cháu M muốn được sống với bà K khi cha mẹ ly hôn. Hơn nữa bà K có nguồn thu nhập ổn định và yêu cầu được nuôi con chung, nên giao cháu M cho bà K nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K khai không có, nhưng ông Nguyễn Vũ Ph vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục chung.

[5] Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 , 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Ph.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc M (nữ), sinh ngày 30/12/2009 cho bà Nguyễn Thị Thúy K nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004318 ngày 28/02/2019 sang tiền án phí. Nên bà K không phải nộp tiếp tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự.
- UBND xã Khánh Hưng, H. Vĩnh Hưng.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Thiệu